

Bản án số: 466/2026/HS-PT

Ngày 26-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Vui

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Ông Hoàng Trí Thức

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quang Trung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03, ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 286/2026/TLPT-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo **Phạm Thị R**, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2026/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3232/2026/QĐXXPT-HS ngày 18 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 8442/2026/HSPT-QĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026.

Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Thị R**, sinh năm 1975 tại C; Nơi thường trú: Ấp V, xã X, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở: Khu dân cư S, đặc khu C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Là con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị S, sinh năm 1945; Có chồng là Nguyễn T1 (đã ly hôn); Có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm hoãn xuất cảnh, Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đào Bảo C1 và Luật sư Phạm Văn L, Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ (nay là thành phố Đ); Địa chỉ: Số B N, khu phố A, phường B, thành phố Đ (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

khác nhưng không kháng cáo và không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Nhật L1 sinh sống và làm dịch vụ du lịch như đặt vé tàu, đặt khách sạn, đồ lễ, dịch vụ ăn uống và cho thuê xe tại Khu dân cư số A, đặc khu C để hưởng tiền hoa hồng. Trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2025, L1 quen biết với người phụ nữ có tên Út L2 (không rõ nhân thân lai lịch) khi Ú Lắm ra C du lịch thì đặt vấn đề với L1 về việc ghi số đề cho các con bạc dưới hình thức nhắn tin qua điện thoại di động, sau đó chuyển tin nhắn đánh đề cho Út L2. L1 sử dụng điện thoại di động hiệu S1 S9+, màu tím, số thuê bao 0326.989.952 để nhắn tin mua, bán số đề. Khi mua bán số lô, số đề với nhau thông qua tin nhắn điện thoại, người mua không phải trả tiền ngay cho L1, mà chỉ nhắn tin cho L1, nội dung tin nhắn bao gồm con số, hình thức chơi, số điểm (số tiền chơi), đài chơi. Sau khi nhận được tin nhắn, L1 nhắn tin lại xác nhận bằng cách sao chép toàn bộ nội dung tin nhắn, thêm chữ “ok” vào phía sau để chốt đã thỏa thuận việc mua bán số đề, đồng thời L1 chuyển tin nhắn qua cho Út L2. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền N mở thưởng trong ngày thì Út L2 gửi tin nhắn cho L1, L1 sẽ đối chiếu, tổng hợp lại số tiền trúng thưởng của từng người mua, trừ đi số tiền đã mua và thanh toán tiền thắng thua trực tiếp với nhau vào ngày hôm sau.

Hình thức chơi số lô, số đề được L1 và các con bạc thỏa thuận là sẽ sử dụng kết quả mở thưởng của các công ty xổ số kiến thiết miền N làm căn cứ tính toán số tiền được thua với nhau và chia ra nhiều hình thức ghi số lô, số đề khác nhau gồm: Đầu đuôi, xiù chủ, bao lô và đá, số tiền đánh bạc được quy định như sau:

- Hình thức đánh số đầu đuôi: con bạc chọn mua các số tự nhiên từ 00 đến 99, mỗi điểm quy đổi 1.000 đồng. Số tiền đánh bạc = số điểm x 1.000đ x 3 đài;

- Hình thức đánh xiù chủ: Con bạc chọn mua các số tự nhiên từ 000 đến 999, mỗi điểm quy đổi 1.000 đồng. Số tiền đánh bạc = số điểm x 1.000đ x số đài;

- Hình thức bao lô 02 số: Con bạc chọn mua các số tự nhiên từ 00 đến 99 mỗi điểm quy đổi 14.000 đồng. Số tiền đánh bạc = số điểm x 14.000đ x số đài;

- Hình thức bao lô 03 số: Con bạc chọn mua các số tự nhiên từ 000 đến 999, mỗi điểm quy đổi 14.000 đồng. Số tiền đánh bạc = số điểm x 14.000đ x số đài;

- Hình thức “đá”: Cuộc kết quả của một cặp số có 02 chữ số hoặc 03 số có 02 chữ số, mỗi điểm quy đổi 14.000 đồng.

- + Trường hợp 02 số, 02 đài: Số tiền đánh bạc = số điểm x 14.000đ x 2 x 2;

- + Trường hợp 02 số, 03 đài: Số tiền đánh bạc = số điểm x 14.000đ x 3 x 4;

- + Trường hợp 03 số, 02 đài: Số tiền đánh bạc = số điểm x 14.000đ x 2 x 6;

Qua kiểm tra điện thoại của Trương Nhật L1, xác định vào ngày 23/7/2025, L1 đã bán số đề đài xổ số miền N bao gồm 03 đài (Đồng Nai – Cần thơ – Sóc Trăng) với tổng số tiền đánh bạc là 16.690.000 đồng cho Phạm Thị R, Ngô Thị H, Trần Thị M, Nguyễn Văn T2, Lê Thị M1, Ngô Thị Thu D, khi chưa mở thưởng thì bị lập biên bản, cụ thể như sau:

Phạm Thị R sử dụng số điện thoại số 0966.304.039 nhắn tin đến số điện thoại 0326.989.952 của L1 mua các số đề theo kết quả xổ số các đài miền N. Tổng số tiền đánh bạc trong các tin nhắn (phơi đề) mà R mua của L1 là 8.400.000 đồng, (danh sách các con số, số điểm, hình thức đánh, đài xổ số, số tiền cụ thể kèm theo tại bút lục số 180 hồ sơ vụ án).

Ngô Thị H sử dụng số điện thoại 0987.149.748 nhắn tin đến số điện thoại 0326.989.952 của L1 mua các số đề theo kết quả xổ số các đài miền N. Tổng số tiền đánh bạc trong các tin nhắn (phơi đề) mà H mua của L1 là 4.650.000 đồng, (danh sách các con số, số điểm, hình thức đánh, đài xổ số, số tiền cụ thể kèm theo tại bút lục số 184 hồ sơ vụ án).

Trần Thị M sử dụng số điện thoại 0966.496.243 nhắn tin đến số điện thoại 0326.989.952 của L1 mua các số đề theo kết quả xổ số các đài miền N. Tổng số tiền đánh bạc trong các tin nhắn (phơi đề) mà M mua của L1 là 1.120.000 đồng, (danh sách các con số, số điểm, hình thức đánh, đài xổ số, số tiền cụ thể kèm theo tại bút lục số 183 hồ sơ vụ án).

Nguyễn Văn T2 sử dụng số điện thoại 0979.307.815 để nhắn tin đến số điện thoại 0326.989.952 của L1 mua các số đề theo kết quả xổ số các đài miền N. Tổng số tiền đánh bạc trong các tin nhắn (phơi đề) mà T2 mua của L1 là 840.000 đồng; (danh sách các con số, số điểm, hình thức đánh, đài xổ số, số tiền cụ thể kèm theo tại bút lục số 179 hồ sơ vụ án).

Lê Thị M1 sử dụng số điện thoại 0357.693.851 nhắn tin đến số điện thoại 0326.989.952 của L1 mua các số đề theo kết quả xổ số các đài miền N. Tổng số tiền đánh bạc trong các tin nhắn (phơi đề) mà M1 mua của L1 là 840.000 đồng, (danh sách các con số, số điểm, hình thức đánh, đài xổ số, số tiền cụ thể kèm theo tại bút lục số 182 hồ sơ vụ án).

Ngô Thị Thu D sử dụng số điện thoại 0978.651.018 để nhắn tin đến số điện thoại 0326.989.952 của L1 mua các số đề theo kết quả xổ số các đài miền N. Tổng số tiền đánh bạc trong các tin nhắn (phơi đề) mà D mua của L1 là 840.000 đồng, (danh sách các con số, số điểm, hình thức đánh, đài xổ số, số tiền cụ thể kèm theo tại bút lục số 181 hồ sơ vụ án).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Trương Nhật L1, Phạm Thị R đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên (Bút lục điều tra số 185 đến 198, 203 đến 220, 221 đến 245).

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan chức năng đã thu giữ: 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO A96, màu bạc, kiểu máy CPH2333, số IMEI 1 863827056443031, gắn sim số 0966.304.039 – đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy S9+, màu tím, số sê ri R39K301RKZ, gắn sim số 0326.989.952 – đã qua sử dụng (Bút lục điều tra 176 - 177; 225).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2026/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trương Nhật L1 phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo L1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị R phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo R 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Kháng cáo: Ngày 03-4-2026, bị cáo Phạm Thị R có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Thị R vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Bị cáo có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, hợp lệ, đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là đúng người và đúng tội, mức án đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, tuy nhiên các tài liệu này không có căn cứ để xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo ông Đào Bảo C1 trình bày: Bị cáo đã thành khẩn thừa nhận hành vi, không tranh luận về tội danh và mong muốn được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật. Căn cứ theo Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định pháp luật; có nơi cư trú rõ ràng và khả năng tự cải tạo ngoài xã hội; hoàn cảnh gia đình đặc biệt; nhân thân, đạo đức và quá trình sinh sống của bị cáo thể hiện khả năng tự cải tạo tốt và không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa

Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Trong lời nói sau cùng tại phiên tòa, bị cáo đã bày tỏ sự ăn năn, hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, để làm việc và chăm sóc cho mẹ già, bị cáo cam kết sẽ không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định của pháp luật về chủ thể kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo. Do vậy, kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị R đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Vào ngày 23/7/2025, tại Khu dân cư S, đặc khu C, Thành phố Hồ Chí Minh, Trương Nhật L1 có hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức bán số đề trực tiếp, nhắn tin qua số điện thoại cho nhiều người với tổng số tiền 16.690.000 đồng; Phạm Thị R có hành vi đánh bạc với Trương Nhật L1 với tổng số tiền 8.400.000 đồng. Các bị cáo sử dụng điện thoại di động là phương tiện điện tử nhắn tin ghi số lô đề nhưng không hình thành nên các trò chơi trực tuyến, do đó thuộc trường hợp phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo R là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức ghi số lô, số đề được thua bằng tiền là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, giá trị số tiền bị cáo dùng để thực hiện hành vi trên là đủ điều kiện để truy cứu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương và xã hội, đồng thời là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tệ nạn và vi phạm pháp luật khác.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo R có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo với lý do bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải, bị cáo hiện sống một mình và là lao động chính, làm việc để có thu nhập chăm sóc mẹ ruột đã lớn tuổi, sức khỏe yếu. Bị cáo cho rằng mức án 06 (sáu) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo về tội “Đánh bạc” là quá nghiêm khắc, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về việc bị cáo R không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 9, khoản 17 Điều 2 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giảm nhẹ và xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm Đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn đề ngày 15/4/2026, Đơn xin xác nhận nhân thân đề ngày 17/6/2026, Đơn xin xác nhận lao động chính trong gia đình đề ngày 17/6/2026, Đơn xin xác nhận nơi cư trú rõ ràng đề ngày 17/6/2026 và văn bản sao kê giao dịch tài khoản cá nhân của bị cáo mở tại Ngân hàng N. Các tài liệu trên đều được bị cáo thu thập hợp pháp, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, ngoài lần phạm tội này thì bị cáo đã chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng được cơ quan quản lý địa phương xác nhận, có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Ngoài ra, bị cáo R không thuộc những trường hợp không được cho hưởng án treo. Trên cơ sở đánh giá phù hợp với tính chất hành vi, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, đảm bảo sự khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, giao về địa phương để giám sát theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2 và Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (sửa đổi, bổ sung năm 2022, 2025).

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Phạm Thị R được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025).

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị R, sửa Bản án sơ thẩm số 92/2026/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 9, khoản 17 Điều 2 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 2 và Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao (sửa đổi, bổ sung năm 2022, 2025); Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị R phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị R 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Thị R cho Ủy ban nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Bị cáo Phạm Thị R không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26-6-2026)./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. HCM;
- Công an TP. HCM;
- UBND Đ, TP. HCM;
- TAND Khu vực 11, TP. HCM ;
- VKSND Khu vực 11, TP. HCM ;
- THADS TP. HCM
(Phòng THADS Khu vực 11);
- Bị cáo;
- Lưu: VT, THS, hồ sơ vụ án (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Vui